

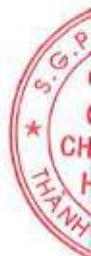


Ký bởi: CÔNG TY
CÓ PHÂN
CHỨNG KHOÁN
HÒA BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 42



CÔNG
CƠ
ỨNG
HÒA
PH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Mỹ Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/08/2025
Ông Lê Đình Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/08/2025
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/08/2025
Ông Trịnh Thanh Giảng	Thành viên	
Ông Lê Xuân Tùng	Thành viên	
Bà Trần Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bế Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Dung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Bà Nguyễn Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/12/2024
	nội bộ, tuân thủ	
Ông Đoàn Đức Giang	Thành viên	
Ông Trương Duy Phong	Thành viên	
Ông Trần Hùng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Kế toán trưởng

Bà Đào Thu Thủy

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Mỹ Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 42 (*Biên bản họp Hội đồng quản trị số 20/2025/BB-HBS ngày 20/09/2025*) và Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Số: 1165/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình
cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/10/2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ tại Việt Nam.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 22.2 – Chi tiết về vốn góp của chủ sở hữu, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình đã biểu quyết thông qua thu hồi 5.800.000 cổ phiếu HBS từ ông Nguyễn Anh Đức, chiếm 17,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Hủy bỏ tư cách cổ đông, đồng nghĩa với việc ông Nguyễn Anh Đức sẽ không còn là cổ đông của Công ty Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 01/01/2025 và công nhận Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex là cổ đông của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình, sở hữu 5.800.000 cổ phiếu HBS chiếm 17,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2025.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 42 – Thông tin khác phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 20/2025/BB-HBS ngày 28/10/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã có kết luận và xử lý về một số vấn đề phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2024 của Công ty liên quan đến việc: xử lý và khắc phục hành vi "bỏ ngoài sổ kế toán số tiền nộp vào 11 tài khoản tổng của Công ty 7.934.211.509.199 đồng và số tiền rút ra 8.254.770.118.388 đồng; Xác định làm rõ nguồn tiền chi trả cổ tức của năm 2023; và kết luận một cá nhân đã thực hiện các hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn sử dụng Công ty làm công cụ cho các mục đích cá nhân.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính giữa niên độ này vào ngày 14/08/2024, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty cũng được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán này và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 31/03/2025.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.120.998.276	319.769.571.399
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		326.467.769.580	318.170.503.898
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	14.309.491.086	12.774.448.934
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>5.665.266.916</i>	<i>12.774.448.934</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>8.644.224.170</i>	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	4.105.784.090	2.014.991.480
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	8	298.300.000.000	296.893.117.809
Các khoản phải thu	117	9	2.118.165.568	3.471.027.363
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>2.118.165.568</i>	<i>3.471.027.363</i>
Trả trước cho người bán	118	9	432.175.000	105.000.000
Các khoản phải thu khác	122	9	7.202.153.836	2.911.918.312
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		653.228.696	1.599.067.501
Tạm ứng	131		14.594.849	26.505.202
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	577.917.828	1.511.846.280
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		60.716.019	60.716.019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.988.592.561	49.132.904.043
Tài sản tài chính dài hạn	210		6.477.540.461	6.477.540.461
Các khoản đầu tư	212	11	8.376.160.000	8.376.160.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>		<i>8.376.160.000</i>	<i>8.376.160.000</i>
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	11	(1.898.619.539)	(1.898.619.539)
Tài sản cố định	220		570.960.265	1.426.087.198
Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.793.600	23.587.200
- Nguyên giá	222		18.431.251.607	18.431.251.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(18.419.458.007)	(18.407.664.407)
Tài sản cố định vô hình	227	13	559.166.665	1.402.499.998
- Nguyên giá	228		20.849.916.470	20.849.916.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(20.290.749.805)	(19.447.416.472)
Bất động sản đầu tư	230	14	27.854.631.108	28.830.741.156
- Nguyên giá	231		76.868.886.130	76.868.886.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		(49.014.255.022)	(48.038.144.974)
Tài sản dài hạn khác	250		11.085.460.727	12.398.535.228
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	166.110.000	166.110.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	373.751.372	668.008.837
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		152.249.802	570.408.324
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	10.393.349.553	10.994.008.067
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		373.109.590.837	368.902.475.442

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		24.328.054.666	6.058.027.293
Nợ phải trả ngắn hạn	310		24.328.054.666	6.058.027.293
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	13.950.185	13.975.570
Phải trả người bán ngắn hạn	320	18	393.231.894	330.054.653
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	1.178.321.904	1.963.447.582
Phải trả người lao động	323		469.072.270	1.195.533.987
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		207.687.610	194.763.910
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	20	147.724.356	205.131.126
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	21	20.668.267.168	845.821.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1.249.799.279	1.309.299.279
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		348.781.536.171	362.844.448.149
Vốn chủ sở hữu	410	22	348.781.536.171	362.844.448.149
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		329.999.800.000	329.999.800.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		329.999.800.000	329.999.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		329.999.800.000	329.999.800.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		5.879.833.400	5.879.833.400
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		5.879.833.400	5.879.833.400
Lợi nhuận chưa phân phối	417		7.022.069.371	21.084.981.349
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		4.468.899.910	20.339.383.956
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		2.553.169.461	745.597.393
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		373.109.590.837	368.902.475.442



Đào Thu Thủy
Người lập biểu



Đào Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		32.999.980	32.999.980
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	23	2.681.270.000	2.681.270.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24	5.420.000.000	5.420.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	25	320.118.960.000	405.264.510.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		319.786.960.000	405.070.740.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		332.000.000	193.770.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	26	71.674.910.000	71.375.010.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		348.740.000	48.840.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		71.326.170.000	71.326.170.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
Tiền gửi của khách hàng	026	27	19.813.746.030	38.322.840.669
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		19.813.746.030	38.322.840.669
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	19.813.746.030	38.322.840.669
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		19.812.290.668	38.321.384.101
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.455.362	1.456.568



Đào Thu Thủy
Người lập biểu



Đào Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.091.521.210	4.569.964.320
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	29	-	3.702.332.969
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	30	2.091.442.710	867.528.101
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	31	78.500	103.250
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	6.578.412.677	8.152.112.643
Doanh thu môi giới chứng khoán	06	32	142.376.193	98.640.268
Thu nhập hoạt động khác	11	32	6.226.043.788	5.104.064.350
Cộng doanh thu hoạt động	20		15.038.353.868	17.924.781.581
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		650.100	1.220.030.410
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		-	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSIC FVTPL	21.2	30	650.100	1.220.030.410
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	34	2.407.323.772	2.426.066.909
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	34	98.660.918	100.416.149
Cộng chi phí hoạt động	40		2.506.634.790	3.746.513.468
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	33	141.346.147	82.191.780
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		141.346.147	82.191.780
Chi phí tài chính				
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	(40.161.297)
Cộng chi phí tài chính	60		-	(40.161.297)
Chi phí bán hàng	61		-	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	35	5.383.405.909	5.274.893.675
Kết quả hoạt động	70		7.289.659.316	9.025.727.515

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Thu nhập khác và chi phí khác				
Thu nhập khác	71		2	1.671.253
Chi phí khác	72		21.905.228	96.117.859
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(21.905.226)	(94.446.606)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		7.267.754.090	8.931.280.908
Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.176.961.480	9.283.783.218
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		2.090.792.610	(352.502.310)
Chi phí thuế TNDN	100		1.530.678.068	1.805.459.103
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	36	1.112.519.546	1.875.959.565
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	37	418.158.522	(70.500.462)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		5.737.076.022	7.125.821.805
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	38	174	205


Đào Thu Thủy
Người lập biểu


Đào Thu Thủy
Kế toán trưởng




Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(298.300.000.000)	-
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		300.416.116.942	8.459.000.000
Cổ tức đã nhận	04		115.086.727	504.973.700
Tiền lãi đã thu	05		4.532.896.066	7.021.873.621
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(89.018.434)	(103.526.916)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.311.217.073)	(3.132.362.295)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.930.039.894)	(2.628.197.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		3.018.094.233	5.303.357.209
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(3.517.534.929)	(3.473.279.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		934.383.638	11.951.838.424
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		600.658.514	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		600.658.514	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		1.535.042.152	11.951.838.424
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		12.774.448.934	15.507.366.798
Tiền	61		12.774.448.934	3.507.366.798
Các khoản tương đương tiền	62		-	12.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.309.491.086	27.459.205.222
Tiền	71	5	5.665.266.916	10.459.205.222
Các khoản tương đương tiền	72	5	8.644.224.170	17.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		42.700.999.480	19.425.015.060
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(37.815.698.900)	(18.157.588.870)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(23.239.652.772)	(19.237.858.479)
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(154.742.447)	(503.465.242)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(18.509.094.639)	(18.473.897.531)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		38.322.840.669	27.324.269.727
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		38.322.840.669	27.324.269.727
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		38.322.840.669	27.324.269.727
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		19.813.746.030	8.850.372.196
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		19.813.746.030	8.850.372.196
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		19.813.746.030	8.850.372.196

Đào Thu Thủy
Người lập biểu

Đào Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2024		Kỳ trước		Kỳ này	
	VND	Tại 01/01/2025	Tăng	Giảm	Tăng	Tại 30/06/2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	329.999.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	329.999.800.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.991.340.768	5.879.833.400	888.492.632	-	-	5.879.833.400
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4.991.340.768	5.879.833.400	888.492.632	-	-	5.879.833.400
Lợi nhuận chưa phân phối	79.953.887.416	21.084.981.349	7.407.823.641	(68.947.439.744)	5.737.076.022	18.414.271.313
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	78.359.606.098	20.339.383.956	7.407.823.641	(68.665.437.896)	3.929.503.954	17.101.991.843
- Lợi nhuận chưa thực hiện	1.594.281.318	745.597.393	-	(282.001.848)	1.807.572.068	1.312.279.470
Cộng	419.936.368.952	362.844.448.149	9.184.808.905	(68.947.439.744)	5.737.076.022	360.173.738.113
						348.781.536.171

Đào Thu Thủy
Người lập biểu

Đào Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 082/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/09/2025 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/2/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/8/2011, số 51/UBCK ngày 18/12/2013 và mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép hoạt động là 329.999.800.000 VND, tương đương 32.999.980 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 29 người (tại ngày 01/01/2025 là 28 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 7+9, số 46-48 Phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hòa Bình	Tầng 7+9, số 46-48 Phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	246 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Tư vấn đầu tư chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán.

Hạn chế vay nợ

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:

- Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi;
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
- Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.

- Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

- Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

Hạn chế cho vay

Thực hiện theo điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 thì:

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.
- Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
- Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

Hạn chế đầu tư (tiếp)

- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Thực hiện kế toán Công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong thời gian 03 năm.

Bất động sản đầu tư và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Số năm khấu hao

Nhà cửa

26,4

Máy móc thiết bị

10

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán đánh giá lại khoản tiền nhận ký cược, ký quỹ phải trả lại bằng ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Trường hợp nhận thế chấp, cầm cố bằng hiện vật thì không được phản ánh trên báo cáo tình hình tài chính mà được theo dõi trên thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí trả trước tiền nhà và trả trước các dịch vụ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian được quy định trong từng hợp đồng.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trước khi phát sinh.

Doanh thu

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thu nhập hoạt động khác:

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	5.665.266.916	12.774.448.934
Tương đương tiền (*)	8.644.224.170	-
Cộng	14.309.491.086	12.774.448.934

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất 4,5%/năm.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	10.252.236	80.463.552.880
- Cổ phiếu	10.252.236	80.463.552.880
Cộng	10.252.236	80.463.552.880

Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	830.000	8.459.000.000
- Cổ phiếu	830.000	8.459.000.000
Của nhà đầu tư	2.300.497	37.582.603.930
- Cổ phiếu	2.300.497	37.582.603.930
Cộng	3.130.497	46.041.603.930

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL				
Cổ phiếu	1.473.003.352	4.105.784.090	1.473.003.352	2.014.991.480
+ Cổ phiếu niêm yết	1.470.488.572	4.105.140.510	1.470.488.572	2.014.374.980
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	2.514.780	643.580	2.514.780	616.500
Cộng	1.473.003.352	4.105.784.090	1.473.003.352	2.014.991.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)

STT	Chi tiêu	Tại 30/06/2025						Tại 01/01/2025					
		Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại		
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			
												VND	VND
I	Tài sản FVTPL	1.473.003.352	4.105.784.090	2.634.651.938	(1.871.200)	4.105.784.090	1.473.003.352	2.014.991.480	543.886.408	(1.898.280)	2.014.991.480		
	+ Cổ phiếu	1.473.003.352	4.105.784.090	2.634.651.938	(1.871.200)	4.105.784.090	1.473.003.352	2.014.991.480	543.886.408	(1.898.280)	2.014.991.480		
	- Cổ phiếu niêm yết	1.470.488.572	4.103.140.510	2.634.651.938	-	4.105.140.510	1.470.488.572	2.014.374.980	543.886.408	-	2.014.374.980		
	- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.514.780	643.580	-	(1.871.200)	643.580	2.514.780	616.500	-	(1.898.280)	616.500		
	Cộng	1.473.003.352	4.105.784.090	2.634.651.938	(1.871.200)	4.105.784.090	1.473.003.352	2.014.991.480	543.886.408	(1.898.280)	2.014.991.480		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng (*)	298.300.000.000	230.774.104.110
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	66.119.013.699
	298.300.000.000	296.893.117.809

(*) Tại 30/06/2025: Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.118.165.568	3.471.027.363
- Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	2.118.165.568	3.471.027.363
Trả trước cho người bán	432.175.000	105.000.000
- Trả trước cho người bán khác	432.175.000	105.000.000
Phải thu khác	7.202.153.836	2.911.918.312
- Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex (*)	6.226.043.788	2.888.946.628
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hoà Bình	976.110.048	-
- Các khoản phải thu khác	-	22.971.684
Cộng	9.752.494.404	6.487.945.675
Phải thu là các bên liên quan	7.202.153.836	2.888.946.628

(Chi tiết tại thuyết minh số 40)

(*) Lợi nhuận Công ty được phân chia liên quan đến hoạt động kinh doanh Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa cao ốc Văn phòng Vimedimex tại số 246 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc Văn phòng Vimedimex giữa Công ty và Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex. (Chi tiết tại thuyết minh số 14)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	577.917.828	1.511.846.280
Chi phí thuê kênh	-	20.981.400
Chi phí bảo trì phần mềm	-	380.175.000
Phí nền tảng Oracle	282.917.828	285.638.685
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	295.000.000	825.051.195
Chi phí trả trước dài hạn	373.751.372	668.008.837
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	47.735.285	9.666.663
Chi phí cải tạo văn phòng	51.523.583	650.056.284
Chi phí trả trước dài hạn khác	274.492.504	8.285.890
Cộng	951.669.200	2.179.855.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác (*)				
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	2.940.000.000	(1.898.619.539)	2.940.000.000	(1.898.619.539)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	5.436.160.000	-	5.436.160.000	-
Cộng	8.376.160.000	(1.898.619.539)	8.376.160.000	(1.898.619.539)

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế	TP.Hà Nội	9,92%	9,92%	Quản lý đầu tư chứng khoán
Công ty TNHH BDS Vimedimex Hòa Bình	TP.Hồ Chí Minh	49%	49%	Bất động sản

(*) Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
Tại 30/06/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
HAO MÒN LUY KẾ				
Tại 01/01/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.291.080.299	18.407.664.407
Khấu hao trong kỳ	-	-	11.793.600	11.793.600
Tại 30/06/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.302.873.899	18.419.458.007
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	-	-	23.587.200	23.587.200
Tại 30/06/2025	-	-	11.793.600	11.793.600

Tại ngày 30/06/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 18.360.490.007 VND (tại 01/01/2025 là 18.360.490.007 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
Tại 30/06/2025	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
HAO MÒN LUYỄN KẾ			
Tại 01/01/2025	18.687.361.649	760.054.823	19.447.416.472
Khấu hao trong kỳ	825.000.000	18.333.333	843.333.333
Tại 30/06/2025	19.512.361.649	778.388.156	20.290.749.805
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	1.375.000.001	27.499.997	1.402.499.998
Tại 30/06/2025	550.000.001	9.166.664	559.166.665

Tại ngày 30/06/2025, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 15.789.916.470 VND (tại 01/01/2025 là 15.434.916.470 VND).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2025	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Tại 30/06/2025	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
HAO MÒN LUYỄN KẾ			
Tại 01/01/2025	22.707.869.186	25.330.275.788	48.038.144.974
Khấu hao trong kỳ	976.110.048	-	976.110.048
Tại 30/06/2025	23.683.979.234	25.330.275.788	49.014.255.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	28.830.741.156	-	28.830.741.156
Tại 30/06/2025	27.854.631.108	-	27.854.631.108

(*) Liên quan đến Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex số 022/2009/HĐ-VM-HBS ngày 02/02/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHD ngày 01/08/2024 về việc quản lý khai thác quyết toán giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("HBS") và Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex ("VMD"):

- **Mục tiêu:** Xây dựng Cao ốc văn phòng Vimedimex tại 246 Cổng Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

- **Phân chia quyền lợi:**
- + VMD được quyền sở hữu 48% phần diện tích sàn xây dựng (gồm cả diện tích công cộng) tương đương 3.711,36 m² của Cao ốc và một phần tầng hầm theo tỷ lệ tương ứng.
- + HBS được quyền sở hữu 52% phần diện tích sàn xây dựng (gồm cả diện tích công cộng) tương đương 4.020,64 m² của Cao ốc và một phần tầng hầm theo tỷ lệ tương ứng tính đến hết thời hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 109010 do Sở tài nguyên và môi trường TP. HCM cấp ngày 24/03/2008.
- Hai bên cùng thành lập Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình để quản lý và khai thác Cao ốc theo Luật doanh nghiệp.

15. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Dài hạn	166.110.000	166.110.000
Đặt cọc thuê văn phòng	166.110.000	166.110.000
Cộng	166.110.000	166.110.000

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.773.057.935	5.773.057.935
Tiền lãi phân bổ hàng kỳ	4.500.291.618	5.100.950.132
Cộng	10.393.349.553	10.994.008.067

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	12.909.517	13.267.034
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	1.040.668	708.536
Cộng	13.950.185	13.975.570

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tong Yang	218.380.000	218.380.000	218.380.000	218.380.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Hưng	86.343.537	86.343.537	86.343.537	86.343.537
Các đối tượng khác	88.508.357	88.508.357	25.331.116	25.331.116
	393.231.894	393.231.894	330.054.653	330.054.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.930.039.894	1.104.033.941	1.930.039.894	1.104.033.941
- Thuế thu nhập cá nhân	33.407.688	389.411.118	348.530.843	74.287.963
- Các loại thuế khác	-	30.390.831	30.390.831	-
Cộng	1.963.447.582	1.523.835.890	2.308.961.568	1.178.321.904

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Hoa hồng môi giới	-	2.441.500
Cước viễn thông	48.537.872	51.932.493
Chi phí phải trả khác	99.186.484	150.757.133
Cộng	147.724.356	205.131.126

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả cổ tức	19.799.988.000	797.584.332
Phải trả khác	868.279.168	48.236.854
Cộng	20.668.267.168	845.821.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý dự trừ bổ sung vốn điều lệ VND	Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	329.999.800.000	4.991.340.768	4.991.340.768	79.953.887.416	3.683.011.078.776
- Trích bổ sung các Quỹ	-	888.492.632	888.492.632	(1.776.985.264)	-
- Trích bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(888.492.632)	(888.492.632)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(65.999.960.000)	(65.999.960.000)
- Lãi trong năm	-	-	-	9.796.531.829	9.796.531.829
31/12/2024	329.999.800.000	5.879.833.400	5.879.833.400	21.084.981.349	3.625.919.157.973
01/01/2025	329.999.800.000	5.879.833.400	5.879.833.400	21.084.981.349	362.844.448.149
- Lãi trong kỳ	-	-	-	5.737.076.022	5.737.076.022
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	-	(19.799.988.000)	(19.799.988.000)
30/06/2025	329.999.800.000	5.879.833.400	5.879.833.400	7.022.069.371	348.781.536.171

(*) Phân phối lợi nhuận lũy kế đến hết năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỀ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
- Phạm Ngọc Quân	80.000.100.000	24,24%	80.000.100.000	24,24%
- Lê Đình Dương	65.064.550.000	19,72%	65.064.550.000	19,72%
- Nguyễn Anh Đức (*)	58.000.000.000	17,58%	58.000.000.000	17,58%
- Bế Công Sơn	43.000.000.000	13,03%	-	0,00%
- Lê Duy Phúc	-	0,00%	43.000.000.000	13,03%
Các cổ đông khác	83.935.150.000	25,43%	83.935.150.000	25,43%

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình đã biểu quyết thông qua thu hồi 5.800.000 cổ phiếu HBS từ ông Nguyễn Anh Đức, chiếm 17,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Hủy bỏ tư cách cổ đông, đồng nghĩa với việc ông Nguyễn Anh Đức sẽ không còn là cổ đông của Công ty Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 01/01/2025. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) xác nhận và công nhận Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex là cổ đông của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình, sở hữu 5.800.000 cổ phiếu HBS chiếm 17,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000
+ Vốn góp đầu kỳ	329.999.800.000	329.999.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	329.999.800.000	329.999.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.4 TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

	Tại 30/06/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.980	32.999.980
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	2.681.270.000	2.681.270.000
Cộng	2.681.270.000	2.681.270.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	5.420.000.000	5.420.000.000
Cộng	5.420.000.000	5.420.000.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	319.786.960.000	405.070.740.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	332.000.000	193.770.000
Cộng	320.118.960.000	405.264.510.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	348.740.000	48.840.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	71.326.170.000	71.326.170.000
Cộng	71.674.910.000	71.375.010.000

27. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.813.746.030	38.322.840.669
Cộng	19.813.746.030	38.322.840.669

28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.813.746.030	38.322.840.669
Cộng	19.813.746.030	38.322.840.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. LÃI (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân	Lãi/(lỗ) bán chứng	Lãi/(lỗ) bán chứng
				gia quyền tính đến	khoản kỳ này	khoản kỳ trước
				cuối ngày giao dịch	VND	VND
		CK	VND			
I	Lãi bán					
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	3.702.332.969
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
	Cộng	-	-	-	-	3.702.332.969

Lãi/Lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính FVTPL bao gồm 2 phần chính là:

Nội dung	Lợi nhuận	
	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL (bao gồm cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản tài chính này) (Chi tiết xem Thuyết minh số 31)	78.500	103.250
Lãi/lỗ thuần từ bán tài sản tài chính FVTPL	-	3.702.332.969
Tổng Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh TSTC FVTPL	78.500	3.702.436.219

30. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý		Chênh lệch tăng đánh giá lại trong kỳ		Chênh lệch giảm đánh giá lại trong kỳ	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I	Cổ phiếu								
1	Cổ phiếu niêm yết	1.473.003.352	1.473.003.352	4.105.784.090	4.105.784.090	2.091.442.710	2.091.442.710	650.100	650.100
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.514.780	2.514.780	643.580	643.580	27.080	27.080	-	-
	Cộng	1.473.003.352	1.473.003.352	4.105.784.090	4.105.784.090	2.091.442.710	2.091.442.710	650.100	650.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	78.500	103.250
Từ tài sản tài chính HTM	6.578.412.677	8.152.112.643
Cộng	6.578.491.177	8.152.215.893

32. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu hoạt động môi giới	142.376.193	98.640.268
Doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư	6.226.043.788	5.104.064.350
Cộng	6.368.419.981	5.202.704.618

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	141.346.147	82.191.780
Cộng	141.346.147	82.191.780

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.407.323.772	2.426.066.909
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	98.660.918	100.416.149
Cộng	2.505.984.690	2.526.483.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.112.966.873	2.952.393.518
Chi phí vật tư văn phòng	26.197.359	17.794.233
Chi phí khấu hao TSCĐ		
Chi phí thuế, phí và lệ phí	15.716.790	12.496.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.052.034.032	2.040.386.169
Chi phí bằng tiền khác	176.490.855	251.823.052
Cộng	5.383.405.909	5.274.893.675

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.267.754.090	8.931.280.908
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.705.156.358)	448.516.919
- Các khoản điều chỉnh tăng	385.714.752	96.117.859
Thù lao thành viên HĐQT độc lập	363.809.524	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính	21.905.228	96.117.859
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.090.871.110)	352.399.060
Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	(2.090.792.610)	352.502.310
Cổ tức nhận được	(78.500)	(103.250)
Tổng thu nhập chịu thuế	5.562.597.732	9.379.797.827
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	1.112.519.546	1.875.959.565
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.112.519.546	1.875.959.565

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	418.158.522	(70.500.462)
Cộng	418.158.522	(70.500.462)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.737.076.022	7.125.821.805
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	(356.291.090)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(356.291.090)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.737.076.022	6.769.530.715
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	32.999.980	32.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	174	205

39. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Hội đồng quản trị		
- Lê Đình Dương	531.821.400	453.891.977
- Lê Tiến Dũng	-	99.750.000
- Trịnh Thanh Giảng	120.000.000	105.900.000
- Lê Xuân Tùng	120.000.000	105.900.000
- Trần Mỹ Linh	120.000.000	-
- Nguyễn Anh Đức	-	35.300.000
- Nguyễn Minh Sơn	1.904.762	-
- Lê Chí Dũng	1.904.762	-
Ban Kiểm soát		
- Nguyễn Thị Thu Dung	90.000.000	-
- Trương Duy Phong	60.000.000	-
- Trần Hùng Cường	59.074.619	-
- Đoàn Đức Giang	59.047.619	72.500.000
- Nguyễn Bá Tuấn	-	55.500.000
Ban Tổng giám đốc		
- Nguyễn Phan Trung Kiên	292.588.950	109.231.060
- Đinh Thế Lợi	-	140.782.666
- Bế Công Sơn	262.588.950	258.493.606
Cộng	1.718.931.062	1.437.249.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	Bên liên quan với Chủ tịch/thành viên HĐQT
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex	Bên liên quan với Chủ tịch/thành viên HĐQT

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex	6.226.043.788	5.104.014.350
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	976.110.048	976.110.048
	7.202.153.836	6.080.124.398

Số dư với bên liên quan

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex	6.226.043.788	2.888.946.628
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	976.110.048	-
	7.202.153.836	2.888.946.628

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Theo Quyết định số 816/QĐ-UBCK ngày 23/10/2025 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc đặt Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.
- Theo Quyết định số 1218/QĐ-SGDHN ngày 03/10/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Về việc đưa vào diện bị hạn chế giao dịch: Cổ phiếu HBS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình bị hạn chế giao dịch.
- Ngày 05/09/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 79/GPĐC-UBCK (Người đại diện pháp luật của Công ty là Bà Trần Thị Mỹ Linh chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị).
- Theo Thông báo số 3917/TB-SGDHN ngày 28/08/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Cổ phiếu HBS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình không đủ giao dịch ký quỹ từ ngày 03/09/2025.
- Theo Quyết định số 22/2025/QĐ-HBS ngày 31/07/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình đã cấm thanh toán cho khách hàng liên quan đến các khoản tiền nộp vào và rút ra từ một số tài khoản của Công ty; phong tỏa mã chứng khoán của 1.220 tài khoản cá nhân kể từ ngày 12/07/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

42. THÔNG TIN KHÁC

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 20/2025/BB-HBS ngày 28/10/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã có kết luận:

Thứ nhất, Kết quả rà soát trên sổ phụ sao kê ngân hàng của Công ty HBS đối chiếu với Biên bản bàn giao ngày 01/06/2022 giữa kế toán trưởng Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Thị Thu Dung và so sánh với số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh của Công ty: Tổng số 11 tài khoản bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào Công ty HBS số tiền 7.934.211.509.199 đồng và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển ra của Công ty HBS số tiền 8.254.770.118.388 đồng bỏ ngoài sổ kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.

Để khắc phục hành vi "bỏ ngoài sổ kế toán số tiền nộp vào 11 tài khoản tổng của Công ty HBS 7.934.211.509.199 đồng và số tiền rút ra 8.254.770.118.388 đồng, cần khôi phục lại toàn bộ các giao dịch đó vào hệ thống sổ kế toán, đồng thời đánh giá và áp dụng các quy định về tài khoản ngoại bảng để quản lý tài sản không thuộc sở hữu của Công ty HBS, và trình bày trên Tài khoản 002 - Chứng khoán giao dịch mua bán trên thị trường, được sử dụng để phản ánh tài sản không thuộc quyền sở hữu của Công ty HBS.

Thứ hai, Trong giai đoạn 2021–2024, các hoạt động tài chính và nghiệp vụ của HBS có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các quy định của Luật Kế toán năm 2015, Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020. Thể hiện:

- + Tổng số 11 tài khoản bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào Công ty HBS số tiền 7.934.211.509.199 đồng và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển ra của Công ty HBS số tiền 8.254.770.118.388 đồng bỏ ngoài sổ kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024. Việc bỏ ngoài Sổ kế toán dẫn đến khi chi trả Cổ tức 20% bằng tiền mặt đã sử dụng nguồn tiền thu lãi tiền gửi của vốn điều lệ của Công ty HBS và nguồn tiền hỗ trợ phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh tòa nhà 246 Cống Quỳnh kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024 số tiền 63.974.825.814 đồng để chi trả cổ tức 20% bằng tiền mặt cho Cổ đông, mã chứng khoán HBS của Công ty cổ phần chứng khoán Hòa Bình năm 2024.
- + HĐQT Công ty HBS yêu cầu Ban Tổng giám đốc sau khi có kết quả Kiểm toán, xác định làm rõ nguồn tiền chi trả cổ tức của năm 2023, HĐQT sẽ phê duyệt quyết định phân phối lợi nhuận 6% bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025.

Thứ ba, Căn cứ vào kết quả rà soát nêu trên, Hội đồng sáng lập, Hội đồng quản trị có đủ cơ sở để kết luận các cá nhân dưới đây đã thực hiện các hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn sử dụng Công ty chứng khoán HBS làm công cụ cho các mục đích cá nhân. Thể hiện:

- + Tổng số 11 tài khoản bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển vào Công ty HBS số tiền 7.934.211.509.199 đồng và tổng giá trị dòng tiền luân chuyển ra của Công ty HBS số tiền 8.254.770.118.388 đồng bỏ ngoài sổ kế toán kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2024.
- + Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGD Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 1.843.432.772.535 đồng trên 06 tài khoản của Công ty HBS bỏ ngoài sổ kế toán kể từ ngày 04/01/2021 đến 31/10/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

42. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

- + Trịnh Ngọc Duyên, Nguyễn Ngọc Dung, Tạ Thị Thùy Trang, Trần Kiên Cường; Phan Sỹ Hải Nguyễn Kim Nguyên Phạm Hồng Vương Nguyễn Hà Hải Như cấu kết với Phương Xuân Thụy Hoán đổi dòng tiền 2.748.412.934.584 đồng trên 07 tài khoản tổng bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS thành tài sản sở hữu hợp pháp cho cá nhân ông Phương Xuân Thụy số tiền 2.748.413.000.584 đồng.
- + Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGĐ Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 1.725.101.756.713 đồng trên 07 tài khoản bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 25/11/2021 đến 31/12/2024.
- + Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGĐ Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 888.384.184.125 đồng trên 03 tài khoản bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 16/11/2021 đến 25/09/2023.
- + Trần Kiên Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty HBS, Phan Sỹ Hải- Q. TGĐ Công ty HBS; Nguyễn Ngọc Dung - Kế toán trưởng của Công ty HBS; Trịnh Ngọc Duyên – PTGD phụ trách kế hoạch và nguồn vốn của Công ty HBS; Nguyễn Thị Kim Nguyên – TP kế toán giao dịch của Công ty HBS; Phạm Hồng Vương – PTGD Công ty HBS, Nguyễn Hà Hải Như – PTGD Công ty HBS ký chứng từ chuyển tiền đi 512.284.029.702 đồng trên 02 tài khoản bỏ ngoài sổ kế toán của Công ty HBS kể từ ngày 01/11/2021 đến 31/12/2024;
- + Hội đồng sáng lập và Hội đồng quản trị Công ty HBS yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh- Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban tổng giám đốc của Công ty HBS thu hồi toàn bộ cổ phiếu HBS được mua bằng nguồn tiền bất hợp pháp, bao gồm 5.800.000 cổ phiếu mã HBS trị giá 35.000.000.000 đồng, để hoàn trả cho Công ty VMG và các bên có quyền lợi hợp pháp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025.
- + Hội đồng sáng lập và Hội đồng quản trị Công ty HBS yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh- Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban tổng giám đốc của Công ty HBS tiếp tục phong tỏa số dư chứng khoán đến ngày 29/10/2025 là 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán, tương ứng với giá trị 86.667.592.642 đồng, của 356 tài khoản cá nhân mở tại Công ty HBS cho đến khi có kết luận của Cơ quan bảo vệ pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi chuyển dịch chứng khoán và mua bán, giao dịch liên quan đến 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán tại Công ty HBS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.



Đào Thu Thủy
Người lập biểu



Đào Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

www.uhy.vn

Kiểm toán | Kế toán | Thuế | Tư vấn | Đào tạo